

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **67/2021/HS-ST**

Ngày: 26-10-2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Kiều Lương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Hà Quế Phương

Bà Lê Thị Hồng Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Bình - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 117/2021/TLST-HS ngày 01/9/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2021/QĐXX-ST ngày 30/9/2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Mạnh H**, tên gọi khác: không, sinh năm 1984, tại Quảng Nam.

Nơi ĐKTT: Ấp 2, xã B, huyện L, tỉnh Đ;

Nơi cư trú: Tổ 5, khu phố H, phường Ph, thành phố B, tỉnh Đ.

Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Tin lành; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn Kh, sinh năm 1958 và con bà Trần Thị H, sinh năm 1958. Gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ 3, chưa có vợ con. Sống chung như vợ chồng với bà Hà Thị Chát M, sinh năm 1978 có 01 con chung sinh năm 2021.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 08 tháng 6 năm 2021, theo Lệnh tạm giam số 103/LTG-PC01 ngày 09/6/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai.

- Bị hại: Công ty Trách nhiệm hữu hạn công nghệ gốm sứ C.

Địa chỉ: phường Ph, thành phố B, tỉnh Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Chen Q – chức vụ: Giám đốc.

- **Người đại diện theo ủy quyền:** Bà Lê Thị Tường Th, sinh năm 1983.

Trú tại: Tổ 13, Ấp 2, xã B, huyện L, tỉnh Đ.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Bà Lê Thị U, sinh năm 1967.

Trú tại: 480, đường Đinh Quang A, Tổ 13C, khu phố H, phường Ph, thành phố B, tỉnh Đ.

(Bị cáo H, bà Th, bà U có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Mạnh H đã hết thời gian thử việc nhưng chưa được ký hợp đồng lao động với Công ty Trách nhiệm hữu hạn công nghệ gốm sứ Cores 100% vốn Trung Quốc, phường Ph, thành phố B, tỉnh Đ, được giao trông coi kho hàng. Vào ngày 30/7/2020, lợi dụng Công ty Trách nhiệm hữu hạn công nghệ gốm sứ C giao trông coi kho hàng, Lê Mạnh H đã lén lút lấy trộm 54 thùng gạch men với kính thước 600x600mm mang đến cửa hàng vật liệu xây dựng Trúc U do bà Lê Thị U làm chủ tại phường Ph, thành phố B, tỉnh Đ, bán số gạch men trên với số tiền 6.220.000đ để lấy tiền tiêu xài cá nhân, bà U đưa trước cho H số tiền 4.000.000đ. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày bà Lê Thị Tường Th là nhân viên quản lý kho gạch của Công ty Trách nhiệm hữu hạn công nghệ gốm sứ C kiểm tra và phát hiện bị mất số gạch nêu trên, nên đã trình báo sự việc đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa. Quá trình điều tra Lê Mạnh H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Vật chứng vụ án: 54 thùng gạch men là tài sản của Công ty Trách nhiệm hữu hạn công nghệ gốm sứ C nên cơ quan điều tra đã thu hồi trả lại cho Công ty. 01 điện thoại hiệu Samsung J5, màu đồng của Lê Mạnh H. Số tiền 2.915.000đ do Lê Mạnh H giao nộp.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 395/KL-HĐĐGTS ngày 31/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai kết luận 54 thùng men trị giá 16.329.600đ (*mười sáu triệu ba trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm đồng*).

Trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra Lê Mạnh H đã bồi thường cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn công nghệ gốm sứ C số tiền 36.000.000đ (*ba mươi sáu triệu đồng*) và được công ty làm đơn bãi nại.

Bà Lê Thị U yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 4.000.000đ (*bốn triệu đồng*),

H chưa bồi thường.

I. Truy tố: Cáo trạng số 4485/CT-VKS-P2 ngày 24/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo Lê Mạnh H về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

II. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa:

- Về tội danh, trách nhiệm hình sự, quan điểm truy tố và điều luật áp dụng: đối với bị cáo: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lê Mạnh H về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Không.

- Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong suốt quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt chưa tiền án, tiền sự, nuôi con còn nhỏ, tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi trả cho bị hại được đại diện bị hại có đơn bãi nại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, s, h, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Điều luật áp dụng và mức án đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s, h, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Mạnh H với mức án từ **08** đến **10** tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Đại diện cho bị hại không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Buộc bị cáo phải có trách nhiệm trả cho bà U (người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan) số tiền 4.000.000đ (*bốn triệu đồng*)

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

III. Ý kiến bị cáo và người tham gia tố tụng tại phiên tòa:

4.1. Ý kiến của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo xác định tất cả lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai báo tự nguyện, không bị ép buộc, không bị ép cung hay bức cung. Kết luận điều tra cũng như Bản cáo trạng truy tố bị cáo ra trước tòa hoàn toàn phù hợp với hành vi của bị cáo đã thực hiện. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Về phần dân sự: Bị cáo cũng đồng ý bồi thường số tiền 4.000.000đ (*bốn triệu đồng*) cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Đối với số tiền 36.000.000đ (*ba mươi sáu triệu đồng*) bị cáo đã bồi thường cho bị hại, bị cáo không yêu cầu bị hại phải hoàn trả lại.

4.2. Ý kiến đại diện của bị hại: Về phần hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử

giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo với lý do, bị cáo đang nuôi con còn nhỏ, là lao động chính trong gia đình. Về phần bồi thường đã giải quyết xong không yêu cầu.

4.3. Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Yêu cầu bị cáo có trách nhiệm bồi thường số tiền 4.000.000đ (*bốn triệu đồng*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tụng tố tụng: Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử cũng như tại phiên tòa, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự, các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ, quyền được bào chữa và tự bào chữa của bị cáo được bảo đảm. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về hành vi của bị cáo bị truy tố:

Tại phiên tòa bị cáo Lê Mạnh H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng các chứng cứ khác có tại hồ sơ đã được thu thập, phù hợp với hành vi mà Kết luận điều tra cũng như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã mô tả.

2.2. Về tội danh và Điều luật áp dụng:

Vào ngày 30/7/2020, tại kho của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Công nghệ gốm sứ C (vốn 100% của Trung Quốc) ngụ tại phường Ph, thành phố B, tỉnh Đ, Lê Mạnh H đã có hành vi lấy trộm 54 thùng gạch men kích thước 600x600mm có tổng giá trị là 16.329.600 đồng của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Công nghệ gốm sứ C. Hành vi của bị cáo Lê Mạnh H đã đủ căn cứ cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

2.3. Về hình phạt áp dụng cho bị cáo:

- Đánh giá tính chất và mức độ thực hiện hành vi phạm tội: Bị cáo thực hiện hành vi là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang lo lắng cho người dân và gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội tại địa phương. Do đó, đối với bị

cáo cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra để giáo dục và phòng ngừa tội phạm nói chung.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong suốt quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bản thân bị cáo còn phải nuôi con nhỏ sinh năm 2021. Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả cho người bị hại, ngoài ra bị cáo còn bồi thường cho bị hại 36.000.000đ (*ba mươi sáu triệu đồng*) được bị hại làm đơn bãi nại. Tại phiên tòa đại diện cho bị hại cũng đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét cân nhắc khi lượng hình đối với bị cáo.

[3] Về phần trách nhiệm dân sự:

Đối với tài sản của bị hại trong vụ án đã được giải quyết xong. Đối với số tiền 36.000.000đ (*ba mươi sáu triệu đồng*) bị cáo bồi thường cho bị hại, tại phiên tòa bị cáo không yêu cầu bị hại phải trả lại. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà U là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường là 4.000.000đ (*bốn triệu đồng*), xét yêu cầu trên của bà U là phù hợp, tại phiên tòa bị cáo cũng đồng ý bồi thường cho bà U số tiền trên. Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại hiệu Samsung J5, màu đồng của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho bị cáo.

Đối với số tiền 2.915.000đ (*hai triệu chín trăm mười lăm nghìn đồng*) do bị cáo giao nộp ngày 25.8.2021 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (số tài khoản 3949010544380000) của Cục thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Nai. Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

[6] Về án phí: Bị cáo phải bầu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 200.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

- Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo: Lê Mạnh H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

1. Áp dụng pháp luật: Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

2. Quyết định hình phạt: Xử phạt bị cáo **Lê Mạnh H: 06 (sáu) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày 08/6/2021.

3. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 5 Điều 275, và Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Lê Mạnh H phải có trách nhiệm bồi thường cho bà Lê Thị U số tiền 4.000.000đ (*bốn triệu đồng*).

4. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 48 Bộ luật Hình sự. Điều 30 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo Lê Mạnh H 01 điện thoại hiệu Samsung J5, màu đồng.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 2.915.000đ (*hai triệu chín trăm mười năm nghìn đồng*) do Lê Mạnh H giao nộp ngày 25.8.2021, tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam (số tài khoản 3949010544380000) của Cục thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Nai để đảm bảo thi hành án cho bị cáo (*theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 25/8/2021*).

6. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo phải nộp 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí Hình sự sơ thẩm và 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm.

7. Thi hành án:

7.1. Quy định chung:

- Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải bầu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

8. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tU án bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền làm đơn kháng cáo bản án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo (1);
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan cảnh sát điều tra - CA tỉnh ĐN (PC45);
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ, Công an tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan THA hình sự - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai (B5);
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Thi hành án TAND tỉnh Đồng Nai;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Kiều Lương

